

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H2ỆN PH T,
TỈNH ANGIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phc**

Bản án số: 473/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 12 – 2020

“V/v ly hôn giữa
chị T1 và anh N”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN H2ỆN PH T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim P

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn TM
2. Bà Nguyễn Thị Kim C

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân h2ện Ph T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân h2ện Ph T tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân h2ện Ph T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ : tổ 15, ấp Bình H, thị trấn Cái D, h2ện Châu Ph, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Anh N, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 23, tổ 05, ấp Tr 2, xã T Tr, h2ện Ph T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T1 trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 2007 chị và anh Nguyễn Anh N tìm hiểu về tình cảm, hai bên tự nguyện kết hôn, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Tr, h2ện Ph T, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2013 ngày 09/10/2013. Chị và anh N sống tại nhà cha mẹ chồng (thuộc xã T Tr, h2ện Ph T, tỉnh An Giang), anh N làm thợ hồ, còn chị làm thuê. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn do anh N không lo làm ăn, uống rượu nhiều, mỗi ngày đều uống rượu về nhà gây sự đánh chị. Nhiều lần chị bỏ về nhà cha mẹ ruột, anh N đi theo ở chung nhà cha mẹ vợ, nhưng không sửa đổi vẫn thường xuyên uống rượu, cha mẹ chị kh2ên anh N không nghe, anh bỏ về nhà cha mẹ ruột ở xã T Tr. Từ tháng 10 năm 2019 đến nay vợ chồng ly thân, thời gian ly thân có một lần anh N đến hàn gắn trở lại sống chung, chị không đồng ý, vì không còn tình cảm. Nay, chị yêu cầu ly hôn anh N.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên: Nguyễn Nhựt H1, sinh ngày 18-5-2008; Nguyễn Nhựt K, sinh ngày 02- 7- 2013; Nguyễn Nhựt H2, sinh ngày 08- 12- 2015, cả 03 con chị đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con, vì chị có điều kiện nuôi con, chị làm thuê, sống cùng cha mẹ ruột hỗ trợ nuôi con, anh N không có tiền cấp dưỡng.

- Về Ca tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 19/10/2020 chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là anh Nguyễn Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo chị T1 trình bày, mâu thuẫn vợ chồng nêu trên có cha mẹ ruột chị và ban áp bên anh N biết, bên chồng không yêu cầu làm chứng, vì chị và chị chồng không thuận thảo.

Tại văn bản ngày 22/10/2020 bà Phạm Thị Thương (mẹ ruột chị T1) cho biết, sau khi T1 sinh con đầu lòng vợ chồng thường xuyên qua nhà bà ở, vì ở bên bà có nhiều việc làm hơn bên chồng, bà cũng hỗ trợ ăn uống cho con của vợ chồng T1. Vợ chồng mâu thuẫn từ lúc nào bà không biết, đến tháng 10/2019 thường gây gổ tại nhà bà về tiền bạc và việc N uống rượu nhiều, N đi làm thuê

có tiền uống rượu hết không lo cho vợ con. T1 đi làm thuê, còn N vẫn ở nhà bà, nhiều lần bà khiển anh N không uống rượu nữa lo làm ăn nhưng anh N không nghe, mà mỗi lần uống rượu về là cảm rằm, mở loa hát nhạc từ tối đến nửa đêm, làm phiền xóm giềng. Khoảng tháng 8/2020 bà đuổi anh N về nhà cha mẹ ruột. Từ tháng 10/2019 đến nay vợ chồng ly thân, N không hàn gắn. Bà đề nghị Tòa án cho chị T1 ly hôn anh N, vì anh chị sống chung không hạnh phúc.

Tại văn bản ngày 16/11/2020 anh Võ Thành T (Trưởng ấp Tr 2, xã T Tr, huyện Ph T) cho biết, thời gian vợ chồng chị T1, anh N chung sống thường hay cự cãi làm mất an ninh trật tự, anh không biết nguyên nhân, bà con xung quanh báo ban ấp mới biết. Anh không biết thời gian nào chị T1 bỏ về quê sống, còn anh N lâu lâu thấy về nhà xã T Tr.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng anh Nguyễn Anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh Điền chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, hôn nhân của chị Nguyễn Thị Bích T1 và anh Nguyễn Anh N là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh chị mâu thuẫn và không còn chung sống từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay, gia đình chị T1 đề nghị Tòa án cho ly hôn, ban ấp cũng biết anh chị có mâu thuẫn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1 đối với anh N; về nuôi con chung, chị T1 yêu cầu tiếp tục nuôi con Nguyễn Nhựt H1, Nguyễn Nhựt K, Nguyễn Nhựt H2 và không yêu cầu anh N cấp dưỡng, cháu H1 và cháu K có nguyện vọng sống với chị T1. Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T1, chị T1 không yêu cầu anh N cấp dưỡng, nên anh N không phải cấp dưỡng nuôi con; về Tài sản và nợ chung không có; về án phí chị T1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Bích T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Anh N, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy

định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T1 và anh N.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn nhân của chị T1 và anh N là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, năm 2013 vợ chồng mâu thuẫn do anh N không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay không hàn gắn được, gia đình chị T1 đề nghị Tòa án cho anh chị ly hôn, ban áp cho biết anh chị có mâu thuẫn. Từ đó, cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị T1 và anh N.

[4] Về nuôi con chung: từ lúc vợ chồng ly thân đến nay chị T1 nuôi con có cuộc sống ổn định, cháu Nguyễn Nhựt H1 và cháu Nguyễn Nhựt K đã hơn 07 tuổi cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1 được tiếp tục nuôi 03 Nguyễn Nhựt H1, Nguyễn Nhựt K, Nguyễn Nhựt H2. Chị T1 không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị, nên không xem xét.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

[6] Về Ca tài sản: không có.

[7] Về nợ chung: ghi nhận chị T1 xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị T1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T1 và anh Nguyễn Anh N. Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2013 ngày 09/10/2013 của Ủy ban nhân dân xã T Tr, h2ện Ph T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao 03 con chung tên: Nguyễn Nhựt H1, sinh ngày 18-5-2008; Nguyễn Nhựt K, sinh ngày 02- 7- 2013; Nguyễn Nhựt H2, sinh ngày 08- 12- 2015 cho chị T1 trực tiếp nuôi, cả 03 con chị T1 đang nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Anh N không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

3. Về Ca tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị T1 xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Bích T1 phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001608 ngày 19/10/2020 của C cục thi hành án dân sự h2ện Ph T, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h2ện Ph T;
- C cục THADS H. Ph T;
- UBND xã T Tr;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim P

